

B, ngày 29 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2017/TLST – HNGĐ ngày 12/7/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Trần Quang T, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/8/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Quang T, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam và chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Quang L, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 12/5/2012 cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng. Anh Trần Quang T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu L, cháu B cho chị Y. Chị Y và các

thành viên gia đình không được cản trở anh Trường trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, cháu B.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Trần Quang T và chị Phạm Thị Y không đề nghị Toà án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Quang T và chị Phạm Thị Y, mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của anh T và chị Y, chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong tổng số 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0000984 ngày 12/7/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh T, chị Y phải chịu. Hoàn trả anh Trường 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T, chị Y đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Hg, Bình Lục;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh ĐăkLăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Trần Anh Dũng